

Số: 594/QĐ-HV

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Công nhận học vị và cấp bằng Thạc sĩ

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

Căn cứ Quyết định số 171/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ Trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐHV ngày 12/4/2021 của Hội đồng Học viện về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

Căn cứ Nghị quyết 191/NQ-HĐHV ngày 24/04/2025 của Hội đồng Học viện về việc Điều chỉnh Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGD&ĐT ngày 30/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 550/QĐ-HV ngày 21/04/2022 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông về việc ban hành Quy định tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng xét tốt nghiệp trình độ Thạc sĩ của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông ngày 19/03/2026;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận học vị và cấp bằng Thạc sĩ cho 61 học viên cao học của toàn Học viện, cụ thể:

- Chuyên ngành Kỹ thuật viễn thông: 07 học viên (danh sách kèm theo);
- Chuyên ngành Kỹ thuật điện tử: 01 học viên (danh sách kèm theo);
- Chuyên ngành Khoa học máy tính: 12 học viên (danh sách kèm theo);
- Chuyên ngành Hệ thống thông tin: 33 học viên (danh sách kèm theo);
- Chuyên ngành Quản trị kinh doanh: 08 học viên (danh sách kèm theo);

Điều 2. Thời gian công nhận học vị Thạc sĩ được tính kể từ ngày ký Quyết định.

Điều 3. Chánh văn phòng, Trưởng các phòng: Đào tạo, Tài chính kế toán; Trưởng Khoa Đào tạo Sau đại học; Trưởng các đơn vị có liên quan và các học viên có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Bộ KH&CN (để b/c);
- Giám đốc HV (để b/c);
- Lưu VT, ĐT (03).



PGS. TS. Trần Quang Anh

DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN HỌC VỊ VÀ CẤP BẰNG THẠC SĨ
(Kèm theo Quyết định số 594/QĐ-HV ngày 23 tháng 3 năm 2026 của Giám đốc Học viện)

TT	Họ và Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Số QĐ công nhận học viên cao học	Chuyên ngành đào tạo	Điểm TBC	Điểm BVLV	Ghi chú
1	Dương Bảo Anh	Nữ	20/01/2001	Thanh Hóa	Kinh	1358/QĐ-HV ngày 29/07/2024	Hệ thống thông tin	8.27	8.5	M24CQHT01-B
2	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Nữ	30/09/1999	Ninh Bình	Kinh	1358/QĐ-HV ngày 29/07/2024	Hệ thống thông tin	7.90	7.3	M24CQHT01-B
3	Đỗ Việt Anh	Nam	06/11/1999	Ninh Bình	Kinh	1358/QĐ-HV ngày 29/07/2024	Hệ thống thông tin	7.96	7.4	M24CQHT01-B
4	Chu Đức Chính	Nam	14/07/2000	Hưng Yên	Kinh	1358/QĐ-HV ngày 29/07/2024	Hệ thống thông tin	7.86	8.0	M24CQHT01-B
5	Nguyễn Minh Đức	Nam	08/09/2001	Hà Tây	Kinh	1358/QĐ-HV ngày 29/07/2024	Hệ thống thông tin	7.95	8.0	M24CQHT01-B
6	Nguyễn Kim Dung	Nữ	12/07/1997	Thanh Hóa	Kinh	1358/QĐ-HV ngày 29/07/2024	Hệ thống thông tin	8.00	8.5	M24CQHT01-B
7	Bùi Huy Dũng	Nam	23/10/2000	Thái Bình	Kinh	1358/QĐ-HV ngày 29/07/2024	Hệ thống thông tin	7.51	8.0	M24CQHT01-B
8	Đào Đại Dương	Nam	02/11/2001	Hưng Yên	Kinh	1358/QĐ-HV ngày 29/07/2024	Hệ thống thông tin	8.01	8.2	M24CQHT01-B
9	Đỗ Hương Hà	Nữ	25/12/1995	Quảng Ninh	Kinh	1358/QĐ-HV ngày 29/07/2024	Hệ thống thông tin	7.65	7.0	M24CQHT01-B
10	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	17/08/1996	Hà Bắc	Kinh	1358/QĐ-HV ngày 29/07/2024	Hệ thống thông tin	7.80	8.6	M24CQHT01-B
11	Đinh Mạnh Hải	Nam	29/11/2000	Hà Nội	Kinh	1358/QĐ-HV ngày 29/07/2024	Hệ thống thông tin	7.84	8.1	M24CQHT01-B
12	Trương Gia Hiền	Nam	17/01/2001	Hà Nội	Kinh	1358/QĐ-HV ngày 29/07/2024	Hệ thống thông tin	7.77	8.2	M24CQHT01-B
13	Nguyễn Tuấn Hiệp	Nam	20/01/2001	Hà Nội	Kinh	1358/QĐ-HV ngày 29/07/2024	Hệ thống thông tin	8.13	8.5	M24CQHT01-B
14	Phan Thị Kim Hoàn	Nữ	13/06/2001	Bắc Giang	Kinh	1358/QĐ-HV ngày 29/07/2024	Hệ thống thông tin	8.06	7.9	M24CQHT01-B
15	Vũ Thị Hợp	Nữ	01/12/2000	Thanh Hóa	Kinh	1358/QĐ-HV ngày 29/07/2024	Hệ thống thông tin	7.96	8.5	M24CQHT01-B
16	Trần Quang Hưng	Nam	02/01/2001	Hà Tây	Kinh	1358/QĐ-HV ngày 29/07/2024	Hệ thống thông tin	7.63	7.4	M24CQHT01-B
17	Nguyễn Sơn Lâm	Nam	19/11/1998	Thái Bình	Kinh	1358/QĐ-HV ngày 29/07/2024	Hệ thống thông tin	7.54	7.8	M24CQHT01-B

TT	Họ và Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Số QĐ công nhận học viên cao học	Chuyên ngành đào tạo	Điểm TBC	Điểm BVLV	Ghi chú
18	Nguyễn Thành Nam	Nam	09/04/1999	Ninh Thuận	Kinh	1358/QĐ-HV ngày 29/07/2024	Hệ thống thông tin	7.55	8.0	M24CQHT01-B
19	Bùi Khắc Ngọc	Nam	07/01/2000	Thanh Hóa	Kinh	1358/QĐ-HV ngày 29/07/2024	Hệ thống thông tin	7.64	8.2	M24CQHT01-B
20	Nguyễn Đoàn Quân	Nam	22/09/2001	Nam Định	Kinh	1358/QĐ-HV ngày 29/07/2024	Hệ thống thông tin	7.93	8.1	M24CQHT01-B
21	Trần Thanh Quang	Nam	14/10/1997	Nam Định	Kinh	1358/QĐ-HV ngày 29/07/2024	Hệ thống thông tin	8.09	7.6	M24CQHT01-B
22	Bùi Hữu Thành	Nam	15/01/1996	Hà Tây	Kinh	1358/QĐ-HV ngày 29/07/2024	Hệ thống thông tin	8.22	8.5	M24CQHT01-B
23	Lê Quang Thành	Nam	28/05/1999	Hà Nội	Kinh	1358/QĐ-HV ngày 29/07/2024	Hệ thống thông tin	7.73	8.0	M24CQHT01-B
24	Nguyễn Đức Tiếp	Nam	15/06/1998	Ninh Bình	Kinh	1358/QĐ-HV ngày 29/07/2024	Hệ thống thông tin	7.57	8.0	M24CQHT01-B
25	Nguyễn Anh Tuấn	Nam	24/08/1999	Hà Nội	Kinh	1358/QĐ-HV ngày 29/07/2024	Hệ thống thông tin	7.69	7.5	M24CQHT01-B
26	Bùi Minh Tuấn	Nam	26/09/2000	Hà Nội	Kinh	1358/QĐ-HV ngày 29/07/2024	Hệ thống thông tin	7.68	7.0	M24CQHT01-B
27	Lê Minh Tùng	Nam	04/11/1999	Hà Nội	Kinh	1358/QĐ-HV ngày 29/07/2024	Hệ thống thông tin	7.18	9.1	M24CQHT01-B
28	Hoàng Đức Việt	Nam	27/07/2000	Thái Bình	Kinh	1358/QĐ-HV ngày 29/07/2024	Hệ thống thông tin	8.05	7.5	M24CQHT01-B
29	Trần Đức Long	Nam	03/01/1994	Hà Nội	Kinh	1157/QĐ-HV ngày 22/08/2023	Hệ thống thông tin	8.05	7.5	M23CQIS01-B
30	Nguyễn Thu Trang	Nữ	05/12/2000	Thanh Hóa	Kinh	2248/QĐ-HV ngày 29/12/2023	Hệ thống thông tin	7.79	7.5	M23CQIS02-B
31	Nguyễn Thái Hiệp	Nam	19/02/2000	Nghệ An	Kinh	2248/QĐ-HV ngày 29/12/2023	Hệ thống thông tin	8.00	8.2	M23CQIS02-B
32	Lê Ngọc Hiếu	Nam	16/04/2000	Lâm Đồng	Kinh	2248/QĐ-HV ngày 29/12/2023	Hệ thống thông tin	7.93	9.5	M23CQIS02-N
33	Lê Đình Lâm	Nam	03/01/1991	Đắk Lắk	Kinh	2248/QĐ-HV ngày 29/12/2023	Hệ thống thông tin	8.05	8.6	M23CQIS02-N
34	Nguyễn Phương Anh	Nữ	03/12/2001	Hà Nam	Kinh	1358/QĐ-HV ngày 29/07/2024	Khoa học máy tính	8.03	9.2	M24CQKH01-B
35	Trần Thị Hương	Nữ	23/03/2000	Nam Định	Kinh	1358/QĐ-HV ngày 29/07/2024	Khoa học máy tính	7.81	8.6	M24CQKH01-B
36	Trương Thị Thu Hà	Nữ	23/06/2001	Hà Tây	Kinh	1358/QĐ-HV ngày 29/07/2024	Khoa học máy tính	8.31	9.0	M24CQKH01-B

TT	Họ và Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Số QĐ công nhận học viên cao học	Chuyên ngành đào tạo	Điểm TBC	Điểm BVLV	Ghi chú
37	Nguyễn Quang Huy	Nam	01/03/2001	Bắc Ninh	Kinh	1358/QĐ-HV ngày 29/07/2024	Khoa học máy tính	8.81	9.4	M24CQKH01-B
38	Nguyễn Văn Khánh	Nam	10/12/2001	Thái Bình	Kinh	1358/QĐ-HV ngày 29/07/2024	Khoa học máy tính	7.94	8.1	M24CQKH01-B
39	Cao Minh Quyền	Nam	12/08/1999	Hà Nội	Kinh	1358/QĐ-HV ngày 29/07/2024	Khoa học máy tính	7.71	7.0	M24CQKH01-B
40	Đinh Thị Hương Thảo	Nữ	11/03/2001	Thái Nguyên	Tày	1358/QĐ-HV ngày 29/07/2024	Khoa học máy tính	7.80	8.5	M24CQKH01-B
41	Phùng Thị Thu	Nữ	27/09/1981	Hà Nội	Kinh	1358/QĐ-HV ngày 29/07/2024	Khoa học máy tính	7.45	7.5	M24CQKH01-B
42	Lương Đức Thuận	Nam	19/10/2001	Hà Tây	Kinh	1358/QĐ-HV ngày 29/07/2024	Khoa học máy tính	8.30	9.5	M24CQKH01-B
43	Phạm Minh Đức	Nam	13/10/1991	Thái Bình	Kinh	1157/QĐ-HV ngày 22/08/2023	Khoa học máy tính	7.88	7.5	M23CQCS01-B
44	Võ Minh Mạnh	Nam	29/12/2000	Hà Tĩnh	Kinh	1157/QĐ-HV ngày 22/08/2023	Khoa học máy tính	8.11	9.5	M23CQCS01-B
45	Bùi Quang Minh	Nam	26/08/2000	Hải Phòng	Kinh	1157/QĐ-HV ngày 22/08/2023	Khoa học máy tính	7.72	7.0	M23CQCS01-B
46	Giáp Thị Ngọc Bích	Nữ	04/01/2001	Bắc Giang	Kinh	1358/QĐ-HV ngày 29/07/2024	Kỹ thuật viên thông	8.26	8.5	M24CQKV01-B
47	Đinh Thị Thanh Nga	Nữ	10/10/1986	Hà Nội	Kinh	1358/QĐ-HV ngày 29/07/2024	Kỹ thuật viên thông	8.46	8.40	M24CQKV01-B
48	Bùi Văn Nhung	Nam	21/12/1986	Phú Thọ	Kinh	1358/QĐ-HV ngày 29/07/2024	Kỹ thuật viên thông	7.74	8.36	M24CQKV01-B
49	Đinh Ngọc Tân	Nam	10/12/1987	Hà Nội	Mường	1358/QĐ-HV ngày 29/07/2024	Kỹ thuật viên thông	7.81	8.36	M24CQKV01-B
50	Nguyễn Anh Thư	Nam	10/11/1995	Vĩnh Phú	Kinh	1358/QĐ-HV ngày 29/07/2024	Kỹ thuật viên thông	7.80	8.70	M24CQKV01-B
51	Phạm Anh Tuấn	Nam	11/12/1995	Thái Bình	Kinh	1358/QĐ-HV ngày 29/07/2024	Kỹ thuật viên thông	8.26	8.50	M24CQKV01-B
52	Hồ Văn Tuyền	Nam	10/01/1996	Hải Dương	Kinh	1358/QĐ-HV ngày 29/07/2024	Kỹ thuật viên thông	7.95	8.50	M24CQKV01-B
53	Nguyễn Hải Long	Nam	01/06/2000	Hải Phòng	Kinh	1157/QĐ-HV ngày 22/08/2023	Kỹ thuật điện tử	8.13	8.7	M23CQDT01-B
54	Lê Thị Minh Nguyệt	Nữ	04/10/1981	Hà Nội	Kinh	1157/QĐ-HV ngày 22/08/2023	Quản trị kinh doanh	7.42	8.5	M23CQQT01-B
55	Nguyễn Thị Hiệp	Nữ	01/01/1986	Bắc Giang	Kinh	2248/QĐ-HV ngày 29/12/2023	Quản trị kinh doanh	7.35	8.8	M23CQQT02-B

TT	Họ và Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Số QĐ công nhận học viên cao học	Chuyên ngành đào tạo	Điểm TBC	Điểm BVLV	Ghi chú
56	Bùi Đình Huân	Nam	23/02/2000	Nam Định	Kinh	2248/QĐ-HV ngày 29/12/2023	Quản trị kinh doanh	7.65	8.4	M23CQQQT02-B
57	Lê Thị Kiều Nga	Nữ	29/01/2001	Phủ Thọ	Kinh	2248/QĐ-HV ngày 29/12/2023	Quản trị kinh doanh	7.78	8.0	M23CQQQT02-B
58	Phạm Ngọc Như Quỳnh	Nữ	27/04/2001	Phủ Yên	Kinh	2248/QĐ-HV ngày 29/12/2023	Quản trị kinh doanh	7.90	8.5	M23CQQQT02-B
59	Đỗ Thị Huyền Thương	Nữ	06/02/2001	Thái Bình	Kinh	2248/QĐ-HV ngày 29/12/2023	Quản trị kinh doanh	8.10	8.4	M23CQQQT02-B
60	Trần Tú Quyên	Nữ	17/07/1986	Hà Nội	Kinh	1157/QĐ-HV ngày 22/08/2023	Quản trị kinh doanh	7.81	8.50	M23CQQQT01-B
61	Đặng Thị Duyên Hồng	Nữ	20/10/1981	Thái Bình	Kinh	2248/QĐ-HV ngày 29/12/2023	Quản trị kinh doanh	7.65	8.50	M23CQQQT02-B

Danh sách gồm có: 61 học viên

KT GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

BỘ KHOA

HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

PGS. TS. Trần Quang Anh